

## ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 – ĐỀ 2

Họ và tên: .....

Lớp: .....

Môn: Toán – Lớp 5

Bộ sách: Chân trời sáng tạo

Thời gian làm bài: 40 phút

**I. TRẮC NGHIỆM** (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Số thập phân gồm 7 chục, 3 đơn vị, 9 phần nghìn viết là:

- A. 73,9000      B. 73,009      C. 73,09      D. 73,0009

**Câu 2.** Số thập phân bé nhất trong các số 241,25 ; 241,205 ; 240,98 ; 240,908 là:

- A. 241,25      B. 241,205      C. 240,98      D. 240,908

**Câu 3.** Bạn Nam đã tung một con xúc xắc 15 lần liên tiếp. Trong đó có 7 lần xuất hiện mặt 5 chấm.

Tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt 5 chấm xuất hiện và tổng số lần tung là:

- A.  $\frac{5}{15}$       B.  $\frac{7}{15}$       C.  $\frac{7}{5}$       D.  $\frac{5}{7}$

**Câu 4.** Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 800 000, quãng đường từ nhà Lan đến trường dài 5 mm. Trên thực tế, quãng đường từ nhà Lan đến trường dài:

- A. 4km      B. 40 km      C. 400 m      D. 8 km

**Câu 5.** Chị Mai tiết kiệm tiền để mua một chiếc xe máy mới có giá là 72 triệu đồng. Biết rằng cứ 4 tháng chị Mai tiết kiệm được 24 triệu đồng. Chị Mai cần tiết kiệm mấy tháng thì đủ tiền mua chiếc xe máy đó.

- A. 8 tháng      B. 10 tháng      C. 12 tháng      D. 14 tháng

**Câu 6.** Khối lớp Bốn của một trường Tiểu học có số học sinh biết bơi ít hơn số học sinh chưa biết bơi là 52 học sinh và bằng  $\frac{3}{7}$  số học sinh chưa biết bơi. Khối Bốn có số học sinh biết bơi là:

- A. 39 học sinh      B. 91 học sinh      C. 42 học sinh      D. 87 học sinh

**I. TỰ LUẬN****Câu 1.** Tính giá trị của biểu thức.

$$5\frac{1}{3} - \frac{4}{3} \times \frac{9}{20}$$

$$\frac{3}{5} \times \frac{8}{27} \times \frac{9}{16}$$

.....

.....

.....

**Câu 2.** Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a)  $29 \text{ kg } 35 \text{ g} = \dots\dots\dots \text{ kg}$

b)  $18 \text{ dm}^2 40 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$

c)  $6 \text{ ha } 250 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$

d)  $75 200 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$

**Câu 3.** Một tấm kính hình chữ nhật có chu vi 138 cm. Chiều dài hơn chiều rộng 25 cm. Tìm diện tích của tấm kính hình chữ nhật đó?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 4.** Trang trại nhà bác Minh có 1 270 con gà và vịt. Sau khi bán 150 con gà và 185 con vịt thì số gà còn lại bằng  $\frac{1}{4}$  số vịt. Hỏi ban đầu trang trại nhà bác Minh có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con vịt?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

## I. TRẮC NGHIỆM

**Câu 1.** Số thập phân gồm 7 chục, 3 đơn vị, 9 phần nghìn viết là:

- A. 73,9000      B. 73,009      C. 73,09      D. 73,0009

**Phương pháp**

Muốn viết (hoặc đọc) số thập phân, trước hết viết (hoặc đọc) phần nguyên, viết (hoặc đọc) dấu phẩy, sau đó viết (hoặc đọc) phần thập phân.

**Lời giải**

Số thập phân gồm 7 chục, 3 đơn vị, 9 phần nghìn viết là: **73,009**

**Đáp án: B**

**Câu 2.** Số thập phân bé nhất trong các số 241,25 ; 241,205 ; 240,98 ; 240,908 là:

- A. 241,25      B. 241,205      C. 240,98      D. 240,908

**Phương pháp**

So sánh các số thập phân theo quy tắc đã học

**Lời giải**

Ta có  $240,908 < 240,98 < 241,205 < 241,25$

Vậy số thập phân bé nhất trong các số đã cho là 240,908

**Đáp án: D**

**Câu 3.** Bạn Nam đã tung một con xúc xắc 15 lần liên tiếp. Trong đó có 7 lần xuất hiện mặt 5 chấm.

Tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt 5 chấm xuất hiện và tổng số lần tung là:

- A.  $\frac{5}{15}$       B.  $\frac{7}{15}$       C.  $\frac{7}{5}$       D.  $\frac{5}{7}$

**Phương pháp**

Tỉ số của a và b là  $a : b$  hay  $\frac{a}{b}$  (b khác 0)

**Lời giải**

Tỉ số của số lần xảy ra sự kiện mặt 5 chấm xuất hiện và tổng số lần tung là:  $\frac{7}{15}$

**Đáp án: B**

**Câu 4.** Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 800 000, quãng đường từ nhà Lan đến trường dài 5 mm. Trên thực tế, quãng đường từ nhà Lan đến trường dài:

- A. 4km      B. 40 km      C. 400 m      D. 8 km

**Phương pháp**

Quãng đường từ nhà Lan đến trường = quãng đường trên bản đồ x 800 000

### Lời giải

Quãng đường từ nhà Lan đến trường là:  $5 \times 800\,000 = 4\,000\,000$  (mm)

Đổi:  $4\,000\,000$  mm = 4 km

### Đáp án: A

**Câu 5.** Chị Mai tiết kiệm tiền để mua một chiếc xe máy mới có giá là 72 triệu đồng. Biết rằng cứ 4 tháng chị Mai tiết kiệm được 24 triệu đồng. Chị Mai cần tiết kiệm mấy tháng thì đủ tiền mua chiếc xe máy đó.

- A. 8 tháng                      B. 10 tháng                      C. 12 tháng                      D. 14 tháng

### Phương pháp

Giải bài toán theo phương pháp tìm tỉ số

### Lời giải

72 triệu đồng gấp 24 triệu đồng số lần là:  $72 : 24 = 3$  (lần)

Chị Mai cần tiết kiệm số tháng thì đủ tiền mua chiếc xe máy đó là:

$$4 \times 3 = 12 \text{ (tháng)}$$

### Đáp án: C

**Câu 6.** Khối lớp Bốn của một trường Tiểu học có số học sinh biết bơi ít hơn số học sinh chưa biết bơi là 52 học sinh và bằng  $\frac{3}{7}$  số học sinh chưa biết bơi. Khối Bốn có số học sinh biết bơi là:



- A. 39 học sinh                      B. 91 học sinh                      C. 42 học sinh                      D. 87 học sinh

### Phương pháp

- Tìm hiệu số phần bằng nhau
- Tìm giá trị của 1 phần
- Số bạn biết bơi = Giá trị 1 phần x số phần của số học sinh biết bơi

### Lời giải

Hiệu số phần bằng nhau là:  $7 - 3 = 4$  (phần)

Số học sinh biết bơi là:  $52 : 4 \times 3 = 39$  (bạn)

### Đáp số: A

**Câu 6.** Một khu đất dạng hình chữ nhật có chiều dài 210 m, chiều rộng bằng  $\frac{5}{7}$  chiều dài. Hỏi khu đất đó có diện tích là bao nhiêu héc-ta?

- A. 3,15 ha                      B. 15 ha                      C. 31,5 ha                      D. 1,5 ha

**Phương pháp**

- Tìm chiều rộng khu đất = chiều dài x  $\frac{5}{7}$

- Diện tích khu đất = chiều dài x chiều rộng

**Lời giải**

Chiều rộng khu đất là  $210 \times \frac{5}{7} = 150$  (m)

Diện tích khu đất là:  $210 \times 150 = 31\,500$  (m<sup>2</sup>) = 3,15 ha

**Đáp án: A**

**II. TỰ LUẬN**

**Câu 1.** Tính giá trị của biểu thức.

$$5\frac{1}{3} - \frac{4}{3} \times \frac{9}{20}$$

$$\frac{3}{5} \times \frac{8}{27} \times \frac{9}{16}$$

**Phương pháp**

Thực hiện tính theo các quy tắc đã học

**Lời giải**

$$5\frac{1}{3} - \frac{4}{3} \times \frac{9}{20} = \frac{16}{3} - \frac{3}{5} = \frac{80}{15} - \frac{9}{15} = \frac{71}{15}$$

$$\frac{3}{5} \times \frac{8}{27} \times \frac{9}{16} = \frac{3 \times 8 \times 9}{5 \times 27 \times 16} = \frac{3 \times 8 \times 9}{5 \times 9 \times 3 \times 8 \times 2} = \frac{1}{10}$$

**Câu 2.** Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 29 kg 35 g = ..... kg

b) 18 dm<sup>2</sup> 40 cm<sup>2</sup> = ..... dm<sup>2</sup>

c) 6 ha 250 m<sup>2</sup> = ..... ha

d) 75 200 ha = ..... km<sup>2</sup>

**Phương pháp**

Áp dụng cách đổi:

$$1 \text{ g} = \frac{1}{1000} \text{ kg}; 1 \text{ cm}^2 = \frac{1}{100} \text{ dm}^2$$

$$1 \text{ m}^2 = \frac{1}{10000} \text{ ha}; 1 \text{ ha} = \frac{1}{100} \text{ km}^2$$

**Lời giải**

a) 29 kg 35 g = **29,035** kg

b) 18 dm<sup>2</sup> 40 cm<sup>2</sup> = **18,4** dm<sup>2</sup>

c) 6 ha 250 m<sup>2</sup> = **6,025** ha

d) 75 200 ha = **752** km<sup>2</sup>

**Câu 3.** Một tấm kính hình chữ nhật có chu vi 138 cm. Chiều dài hơn chiều rộng 25 cm. Tìm diện tích của tấm kính hình chữ nhật đó?

### Phương pháp

- Tìm nửa chu vi của tấm kính
- Tìm chiều dài = (tổng + hiệu) : 2
- Tìm chiều rộng
- Diện tích tấm kính = chiều dài x chiều rộng

### Lời giải

Nửa chu vi của tấm kính là:

$$138 : 2 = 69 \text{ (cm)}$$

Chiều dài của tấm kính là:

$$(69 + 25) : 2 = 47 \text{ (cm)}$$

Chiều rộng của tấm kính là:

$$47 - 25 = 22 \text{ (cm)}$$

Diện tích của tấm kính là:

$$47 \times 22 = 1\,034 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 1 034 cm<sup>2</sup>

**Câu 4.** Trang trại nhà bác Minh có 1 270 con gà và vịt. Sau khi bán 150 con gà và 185 con vịt thì số gà còn lại bằng  $\frac{1}{4}$  số vịt. Hỏi ban đầu trang trại nhà bác Minh có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con vịt?

### Phương pháp

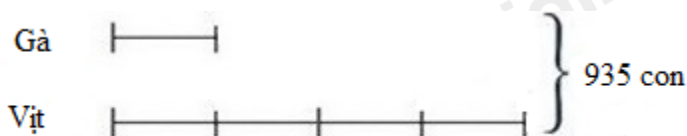
- Tìm tổng số gà và số vịt sau khi bán
- Vẽ sơ đồ
- Tìm tổng số phần bằng nhau và giá trị của 1 phần
- Tìm số gà sau khi bán = giá trị của 1 phần x số phần của số gà
- Tìm số gà ban đầu, số vịt ban đầu

### Lời giải

Tổng số gà và số vịt còn lại sau khi bán là:

$$1\,270 - (150 + 185) = 935 \text{ (con)}$$

Ta có sơ đồ sau khi bán:



Tổng số phần bằng nhau là:

$$1 + 4 = 5 \text{ (phần)}$$

Giá trị của 1 phần hay số gà sau khi bán là:

$$935 : 5 = 187 \text{ (con)}$$

Số gà ban đầu là:

$$187 + 150 = 337 \text{ (con)}$$

Số vịt ban đầu là:

$$1\ 270 - 337 = 933 \text{ (con)}$$

Đáp số: Gà: 337 con

Vịt: 933 con